

**Phụ lục II**  
**GIÁ DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG BỆNH**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 79 /NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị: đồng

STT	Danh mục dịch vụ	Mức giá
<b>I. Bệnh viện hạng I (Bệnh viện đa khoa tỉnh)</b>		
1	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ghép tạng/ghép tủy /ghép tế bào gốc	928.100
2	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	558.600
3	<b>Ngày giường bệnh Nội khoa:</b>	
3.1	<b>Loại 1:</b> Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học, Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell).	305.500
3.2	<b>Loại 2:</b> Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ - Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	273.800
3.3	<b>Loại 3:</b> Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	232.900
4	<b>Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng;</b>	
4.1	<b>Loại 1:</b> Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	400.400
4.2	<b>Loại 2:</b> Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	364.400
4.3	<b>Loại 3:</b> Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	320.700
4.4	<b>Loại 4:</b> Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	286.700
5	Ngày giường điều trị ban ngày	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
<b>II. Bệnh viện hạng II (1)</b>		
1	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ghép tạng/ghép tủy /ghép tế bào gốc	799.600
2	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	418.500
3	<b>Ngày giường bệnh Nội khoa:</b>	
3.1	<b>Loại 1:</b> Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học, Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	257.100
3.2	<b>Loại 2:</b> Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ - Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	222.300
3.3	<b>Loại 3:</b> Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	177.300

STT	Danh mục dịch vụ	Mức giá
<b>4</b>	<b>Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông;</b>	
4.1	<b>Loại 1:</b> Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bông độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	341.800
4.2	<b>Loại 2:</b> Sau các phẫu thuật loại 1; Bông độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	301.600
4.3	<b>Loại 3:</b> Sau các phẫu thuật loại 2; Bông độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bông độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	269.200
4.4	<b>Loại 4:</b> Sau các phẫu thuật loại 3; Bông độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	229.200
<b>5</b>	<b>Ngày giường điều trị ban ngày</b>	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
<b>III. Phòng khám đa khoa khu vực (2)</b>		
<b>1</b>	<b>Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu</b>	327.900
<b>2</b>	<b>Ngày giường bệnh Nội khoa:</b>	
2.1	<b>Loại 1:</b> Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học, Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	219.100
2.2	<b>Loại 2:</b> Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sân không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	188.000
2.3	<b>Loại 3:</b> Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	156.300
<b>3</b>	<b>Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông;</b>	
3.1	<b>Loại 2:</b> Sau các phẫu thuật loại 1; Bông độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	248.700
3.2	<b>Loại 3:</b> Sau các phẫu thuật loại 2; Bông độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bông độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	215.500
3.3	<b>Loại 4:</b> Sau các phẫu thuật loại 3; Bông độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	185.000
<b>4</b>	<b>Ngày giường điều trị ban ngày</b>	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
<b>IV. Trạm Y tế (3)</b>		
1	Ngày giường của trạm y tế xã	78.100

(1) gồm: Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện Nội tiết, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện đa khoa Thành phố, Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng, Bệnh viện đa khoa huyện Bát Xát, Bệnh viện đa khoa thị xã Sa Pa, Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Yên, Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn, Bệnh viện đa khoa huyện Mường Khương, Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Hà, Bệnh viện đa khoa huyện Si Ma Cai.

(2) gồm: Phòng khám đa khoa khu vực Pom Hán, Mường Hum, Trịnh Tường, Bản Khoang, Thanh Phú, Tầng Loong, Phong Hải, Bảo Hà, Nghĩa Đô, Võ Lao, Minh Lương, Bản Lầu, Pha Long, Cao Sơn, Lũng Phình, Bảo Nhai, Cán Cấu, Sín Chéng.

(3) gồm 133 Trạm Y tế thuộc các huyện, thị xã, thành phố: Bảo Yên, Bảo Thắng, Bát Xát, Bắc Hà, Văn Bàn, Mường Khương, Si Ma Cai, Sa Pa, Lào Cai.